TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 12 – 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh – Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thúy H, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phùng Đức T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phùng Đức T chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P - T vào năm 2012. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng có

nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Nay tình cảm không còn, không thể quay trở về đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Đức T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Phùng Bích T1 – sinh ngày 06/7/2012 và Phùng Ngọc T2 – sinh ngày 09/8/2014. Ly hôn, bà đồng ý giao 02 con chung cho ông Phùng Đức T trực tiếp nuôi dưỡng vì trong thời gian vợ chồng không sống chung các con đều ở với ông T. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con (1.000.000 đồng/con). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng qua người thân là bà Phan Thị N (mẹ ruột của ông T) và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông T từ chối tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Phùng Đức T mặc dù đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông T đã được thông báo tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phùng Đức T.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thúy H được ly hôn với ông Phùng Đức T. Về con chung: Giao 02 con chung là Phùng Bích T1 – sinh ngày 06/7/2012 và Phùng Ngọc T2 – sinh ngày 09/8/2014 cho ông Phùng Đức T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phùng Đức T có địa chỉ cư trú tại thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Phùng Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng qua người thân và niêm yết các thông báo của Tòa án cũng như giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do; Điều này chứng tỏ ông T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phùng Đức T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy H và ông Phùng Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện lý do bà H xin ly hôn với ông T vì: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hậu cung c cho Tòa án 01 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2019; điều này thể hiện bà H đã nộp đơn ly hôn và đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội cải thiện tình cảm và quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về sống chung bà H và ông T vẫn không thể hòa hợp và không giải quyết được mâu thuẫn của vợ chồng, do đó bà tiếp tục nộp đơn đến Tòa án chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T đã không còn và thực tế hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay.

Xác minh về tình trạng hôn nhân của bà H và ông T tại địa phương được

biết: Giữa bà Võ Thị Thúy H và ông Phùng Đức T có xảy ra mâu thuẫn gia đình tại địa phương thôn C, xã T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. Bà H và ông T không còn chung sống với nhau kể từ năm 2018 đến nay. Bà H và ông T có đăng ký cư trú tại thôn C, xã T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. Bà H hiện đang sinh sống tại địa phương, ông T đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về địa phương.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên gặp gỡ, trao đổi, khắc phục mâu thuẫn để quay về đoàn tụ, tuy nhiên bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H; Tại phiên hòa giải, ông T cũng không có mặt theo giấy triệu tập nên không tiến hành hòa giải được, điều này chứng tỏ ông H có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*"; *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*".

Xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thúy H.

[2.2] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H ông T có 02 con chung là cháu Phùng Bích T1 – sinh ngày 06/7/2012 và cháu Phùng Ngọc T2 – sinh ngày 09/8/2014. Ly hôn, bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông Phùng Đức T trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi bà H và ông T không còn sống chung đến nay, cháu T1 và cháu T2 đều sống cùng ông T, được ông T chăm sóc nuôi dưỡng; hơn nữa cả 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông T. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T vắng mặt không ghi nhận ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn; tuy nhiên để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu T1 và cháu T2 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân là phù hợp với thực tế và đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về tâm sinh lý về sau

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà H tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con (tức là 1.000.000 đồng/tháng/con). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật và đạo đức xã

hội, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thúy H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thúy H.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy H được ly hôn với ông Phùng Đức T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phùng Bích T1 – sinh ngày 06/7/2012 và cháu Phùng Ngọc T2 – sinh ngày 09/8/2014 cho ông Phùng Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Thúy H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con (tức là 1.000.000 đồng/tháng/con). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có thể lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0005591 ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Võ Thị Thúy H còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Thành Hải (*Giấy CNKH số 01/2012*);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Nguyễn Thanh Thảo